

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1282/GPMT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước thải từ căn tin, bếp ăn từ thiện.
- Nguồn số 03: Nước thải y tế.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung chảy ra Kênh Xếp Đặng - Ông Mới.

2.2. Vị trí xả nước thải: Nước thải sau hệ thống xử lý, sau bồn lọc áp lực theo ống dẫn đầu nối vào Kênh Xếp Đặng – Ông Mới. Tọa độ: X = 1127204; Y = 555756 (Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (theo công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải), lượng nước thải phát sinh tại cơ sở tối đa khoảng $38,2 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Theo mẻ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải y tế (QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,2), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn Theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,2)
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36
3	COD	mg/l	60
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2
6	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000
11	Shigella	VK/100ml	KPH
12	Salmonella	VK/100ml	KPH

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn Theo QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A, K=1,2)
13	Vibrio cholera	VK/100ml	KPH

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên tại cơ sở và bệnh nhân ngoại trú khoảng 12 m³/ngày.đêm, được xử lý bằng các bể tự hoại trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm y tế huyện Long Hồ.

- *Nước thải bếp ăn từ thiện và căn tin:* Khoảng 2,2 m³/ngày.đêm. Nước thải từ các nguồn này được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm y tế huyện Long Hồ.

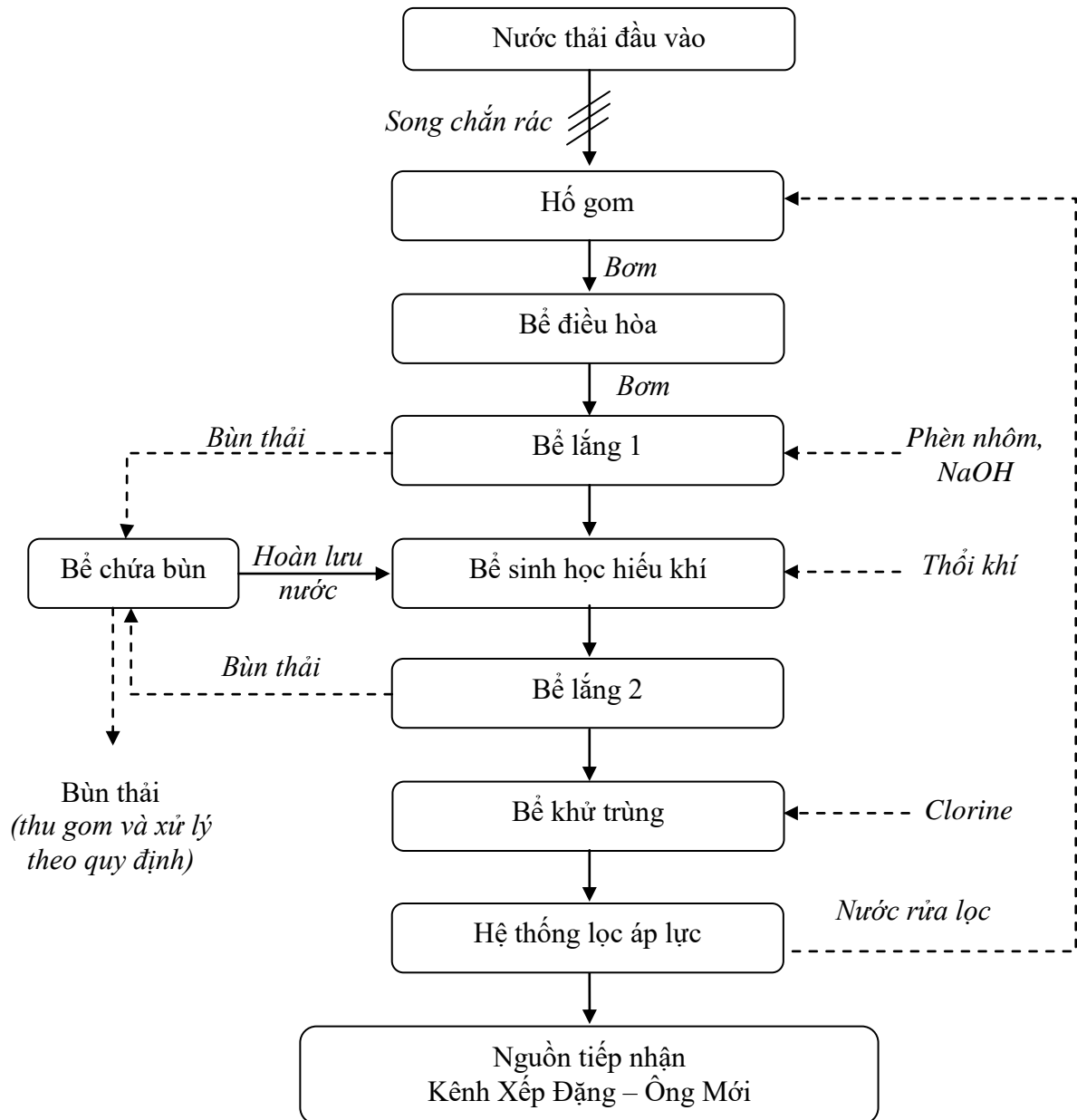
- *Nước thải y tế:* Nước thải phát sinh ở khu vực bệnh nhân nội trú, người nhà bệnh nhân nội trú, nước phục vụ các khoa phòng (xét nghiệm, phòng mổ,...), vệ sinh đồ vải,...ở các khoa khám điều trị, phòng xét nghiệm, vệ sinh đồ vải,...khoảng 24 m³/ngày.đêm, được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm y tế huyện Long Hồ.

Tổng lượng nước thải phát sinh tại Trung tâm y tế huyện Long Hồ khoảng 38,2 m³/ngày.đêm (làm tròn) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 50 m³/ngày.đêm) của cơ sở để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận (Kênh Xếp Đặng – Ông Mới).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Tổng lượng nước thải phát sinh tại Trung tâm y tế huyện Long Hồ khoảng 38,2 m³/ngày.đêm. Lượng nước thải này được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung (hiện hữu) của Trung tâm y tế huyện Long Hồ, với công suất 50 m³/ngày.đêm.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung của cơ sở:



Thuyết minh quy trình xử lý:

Nước thải đầu vào (nước thải y tế + nước thải sinh hoạt + nước thải bếp ăn từ thiện + căn tin) được thu gom về **hố gom** nước thải có song chắn rác tách các cặn có kích thước lớn để bảo vệ cánh bơm, tránh va đập gây hư hỏng máy bơm và đồng thời bảo vệ đường ống, tránh tắc nghẽn trong quá trình xử. Tại hố gom có bố trí 2 bơm hoạt động luân phiên để bơm nước thải từ hố gom lên **BỂ ĐIỀU HÒA**.

BỂ ĐIỀU HÒA: Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ nước thải trước khi qua khâu xử lý tiếp theo. Tại **BỂ ĐIỀU HÒA** có lắp 02 bơm hoạt động luân phiên có nhiệm vụ bơm nước thải với lưu lượng ổn định vào **BỂ LẮNG 1**.

BỂ LẮNG 1: Tại đây các hóa chất động tụ phèn nhôm $Al_2(SO_4)_3$ và NaOH được bơm định lượng vào đầu bể để nước thải tiếp xúc với chất đông tụ sẽ phản ứng với nhau, các bông cặn sẽ kết tủa lại và lắng xuống đáy bể. Phần bùn cặn sẽ chuyển về bể xử lý bùn, phần nước sau lắng được chảy tràn qua bể sinh học hiếu khí.

BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ: Tại bể sinh học hiếu khí (Aerotank) máy thổi khí cung cấp oxy cho vi sinh vật thực hiện quá trình phân hủy các chất hữu cơ thành CO_2 , H_2O , các sản phẩm vô cơ và tế bào sinh vật mới. Ứng dụng quá trình sinh trưởng của vi sinh vật lơ

lửng hiếu khí (bao gồm vi khuẩn hiếu khí, vi khuẩn hiếu khí tùy tiện, nấm, tảo, động vật nguyên sinh) – dưới tác động của oxy được cung cấp từ không khí qua các máy thổi khí – sẽ giúp cho vi sinh vật thực hiện quá trình phân hủy các chất hữu cơ, chuyển hóa chúng thành CO_2 , H_2O , các sản phẩm vô cơ khác và các tế bào sinh vật mới. Sau khi qua **bể sinh học hiếu khí** nước thải sẽ tự chảy qua **bể lắng 2** để tách bùn.

Bể lắng 2: Có nhiệm vụ tách bùn vi sinh ra khỏi nước. Nước sau lắng sẽ tự chảy tràn qua **bể khử trùng**. Bùn lắng được bơm về bể chứa bùn.

Bể khử trùng: Nước thải sau khi được tách bùn ở **bể lắng 2** sẽ tự chảy vào **bể khử trùng**. Tại đây hóa chất khử trùng (Clorine liều lượng 5 g/m^3) được châm vào để tiêu diệt các vi sinh vật có hại trong nước thải. Nước sau **bể khử trùng** được bơm qua **hệ thống lọc áp lực**.

Hệ thống lọc áp lực (2 cột lọc): Để đảm bảo nồng độ các thông số ô nhiễm có trong nước thải đầu ra đạt chất lượng tốt hơn, nước thải sau **bể khử trùng** được bơm qua **tuần tự 2 cột lọc áp lực** để xử lý trước khi xả ra Kênh Xếp Đặng – Ông Mỏi. Định kỳ rửa lọc 1 tháng/lần. Lượng nước rửa lọc sẽ dẫn về **hố thu gom** để xử lý.

Nước thải sau hệ thống xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K=1,2 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế, trước khi xả ra Kênh Xếp Đặng – Ông Mỏi, qua 1 điếm xả thải.

Bể chứa bùn (Bể xử lý bùn): Bể chứa bùn có nhiệm vụ chứa bùn dư từ các bể lắng. Ngoài ra bể chứa bùn còn làm nhiệm vụ giám độ ẩm của bùn bằng cách lắng cơ học để đạt độ ẩm thích hợp (90 – 96%).

Lượng nước tách bùn ra từ bể chứa bùn được thu gom về bể sinh học hiếu khí.

Lượng bùn cô đặc phát sinh sau hệ thống xử lý khoảng 0,2 tấn/năm, sẽ được thu gom và xử lý như chất thải nguy hại.

* Lượng điện tiêu hao cho hệ thống xử lý nước thải khoảng 20 kWh/ngày.

* Định mức sử dụng hóa chất: Clorine khoảng 5 g/m^3 , Phèn nhôm ($\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$) khoảng 3 g/m^3 , NaOH khoảng 2 g/m^3 .

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không có.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị dự phòng máy thổi khí, máy bơm để thay thế khi máy thổi khí, máy bơm có sự cố không hoạt động.

- Các công đoạn có sử dụng máy thổi khí, bơm được trang bị 2 máy hoạt động luân phiên.

- Định kỳ thu gom bùn dư từ các bể lắng về bể chứa bùn, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý bùn theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra các bơm định lượng hóa chất khử trùng nước thải, để khắc phục kịp thời khi có sự cố.

- Thường xuyên theo dõi, quan sát các bể xử lý nước thải, nhằm phát hiện kịp thời các sự cố xảy ra và khắc phục.

- Thường xuyên thực hiện rửa lọc tại bồn lọc áp lực nhằm đảm bảo hiệu quả lọc nước thải của thiết bị.

- Bố trí cán bộ vận hành hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm.
- Lập sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Thiết kế bố trí các nắp đậy các bể xử lý nhằm hạn chế lá cây rơi xuống gây sự cố nghẹt đường ống hoặc bơm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: Nước thải sau xử lý phải đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A mới được xả vào nguồn tiếp nhận là Kênh Xếp Đặng – Ông Mới.

2.3. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án đầu tư, cơ sở phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

2.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo:

Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1282/GPMT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn 01: Từ các phương tiện ra vào trung tâm (tại khu vực nhà xe).
- Nguồn 02: Từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn 03: Từ hoạt động khám chữa bệnh và điều trị bệnh (tại khu vực tiếp đón bệnh nhân).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn: Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn (Theo hệ tọa độ VN:2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

- Từ các phương tiện ra vào trung tâm (tại khu vực nhà xe). Tọa độ: $X = 1127147, Y = 555799$.
- Từ máy phát điện dự phòng. Tọa độ: $X = 1127167, Y = 555772$.
- Từ hoạt động khám chữa bệnh và điều trị bệnh (tại khu vực tiếp đón bệnh nhân). Tọa độ: $X = 1127171, Y = 555797$.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng	Giá trị giới hạn, dBA (Theo QCVN 26:2010/BTNMT, khu vực đặc biệt)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	55
2	Từ 21 giờ đến 6 giờ	45

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng và lắp đặt bộ hãm thanh cho xe cứu thương, xe ô tô.
- Máy phát điện dự phòng được bố trí tại khu vực riêng biệt cách xa các khu vực khác của trung tâm và có lắp đặt bộ hãm thanh cho máy phát điện.
- Lắp đặt nội quy về giờ giấc nghỉ ngơi, thăm nuôi,... để người bệnh, người thăm nuôi tại trung tâm thực hiện.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1282/GPMT-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
I	Trung tâm y tế huyện Long Hồ			
1	Chất thải lây nhiễm: - Chất thải lây nhiễm sắc nhọn - Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn - Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao - Chất thải giải phẫu	Rắn/lỏng	2.412	13 01 01
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	50	13 01 02
3	Các thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân	Rắn	02	13 03 02
4	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác (Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất)	Rắn	250	18 01 04
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	2	16 01 12
6	Hộp chứa mực in thải	Rắn	8	08 02 04
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử thải (bóng đèn led thải)	Rắn	3	16 01 13
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ)	Rắn	1	18 02 01
9	Bao bì mềm thải (bao bì chứa hóa chất)	Rắn	5	18 01 01
10	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp (Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải chưa xác định có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại)	Bùn	30	12 06 05
Tổng số lượng			2.763	
II	Tiếp nhận chất thải lây nhiễm từ các trạm y tế	Rắn	2.880	13 01 01

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Nguồn phát sinh chất thải rắn	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh, học viên, khách đến làm việc và các chất thải ngoại cảnh trong cơ sở y tế	kg/ngày	350
2	Chất thải rắn y tế: bao gồm vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất.	kg/ngày	27
3	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào thải	kg/ngày	2
Tổng cộng		kg/ngày	379

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH):

* Trung tâm y tế huyện Long Hồ:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, số lượng 16 thùng, thể tích 120 lít/thùng

- Kho chứa chất thải nguy hại lây nhiễm và không lây nhiễm:

+ Diện tích kho: 40 m² (mỗi kho 20 m²).

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: kết cấu chịu lực bê tông cốt thép, mái lợp tôn, vi kèo thép, nền bê tông, có cửa kín.

* Tiếp nhận chất thải lây nhiễm từ các trạm y tế trở về:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, số lượng 4 thùng, thể tích 120 lít/thùng.

- Kho chứa chất thải nguy hại lây nhiễm (được tập kết tại kho chất thải nguy hại lây nhiễm của trung tâm):

+ Diện tích kho: 20 m².

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Kết cấu chịu lực bê tông cốt thép, mái lợp tôn, vi kèo thép, nền bê tông, có cửa kín.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

* Rác thải sinh hoạt: Khu vực chứa rác sinh hoạt được bố trí chung với khu vực chứa chất thải rắn thông thường.

- Diện tích: 40 m² (chung với rác thải thông thường).

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác có nắp đậy, Số lượng 6 thùng rác, thể tích 120 lít/thùng.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu giữ: Kết cấu chịu lực bê tông cốt thép, mái lợp tôn, vi kèo thép, nền bê tông M200.

* Chất thải rắn thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: thu gom chứa trong bao nilông và thùng chứa rác có nắp đậy. Số lượng 4 thùng rác, thể tích 120 lít/thùng.

- Khu vực chứa chất thải rắn thông thường:

+ Diện tích: 40 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: kết cấu chịu lực bê tông cốt thép, mái lợp tôn, vi kèo thép, nền bê tông M200.

2.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH

- Chất thải rắn thông thường: Theo dõi, giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường vào nơi chứa; lưu giữ hợp đồng hoặc chứng từ hoặc giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao chất thải rắn thông thường cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường.

- Chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại được phân định, phân loại trước khi đưa vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại; Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; Lưu giữ hợp đồng, liên chứng từ CTNH và quản lý CTNH theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: không.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG KHÁC

1. Tia phóng xạ, bức xạ

Để giảm thiểu tác động do tia phóng xạ và bức xạ trung tâm thực hiện đúng quy định tại Thông tư số 19/2012/TT-BKHCN, ngày 08/11/2012 và Thông tư số 13/2014/TTLT-BKHCN-BYT, ngày 09/6/2014 và Thông tư số 13/2018/TT-BKHCN ngày 05/9/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ; cụ thể:

- Phòng X – quang được xây dựng đúng quy định (vị trí xây dựng, cửa, trần, vách được lựa chọn, xây dựng tuân thủ TCVN 6561:1999 – An toàn bức xạ ion hóa – Tại các cơ sở X quang y tế,...), được cơ quan có chức năng kiểm định đạt chất lượng theo quy định trước khi đưa vào sử dụng, được tẩy xạ theo định kỳ.

- Máy chụp X – quang, CT được định kỳ kiểm tra, kiểm định và hiệu chỉnh để đảm bảo an toàn.

- Xây dựng và niêm yết nội quy làm việc ở khu vực, phòng bố trí máy X – quang để các bác sĩ cũng như bệnh nhân thực hiện nhằm hạn chế tác động của tia X.

- Đối với nhân viên làm việc ở phòng X – quang:

+ Trang bị bảo hộ lao động (như tạp dề cao su, găng tay, ủng cao su,...) để nhân viên sử dụng khi làm việc tại phòng X – quang.

+ Lập nội quy yêu cầu nhân viên thao tác chính xác, nhanh nhẹn để giảm tới thiểu thời gian tiếp xúc với tia X, không được làm việc khác trong buồng máy.

+ Khi sử dụng tia phóng xạ không được ngồi gần cửa vì cửa kính hoặc gỗ không đủ sức cản sự xuyên thấu của tia X.

+ Những nhân viên bố trí làm việc ở phòng X – quang được tuyển chọn kỹ càng, có sức khỏe tốt và đặc biệt không mắc các bệnh như: thiếu máu, giảm bạch cầu, trạng

thái cơ thể suy nhược, bệnh nội tiết, bệnh thực thể ở hệ thống thần kinh trung ương, bệnh ngoài da, lao, đái đường,... và được khám sức khỏe khi mới tuyển dụng, định kỳ hàng năm trong thời gian làm việc và khi chấm dứt làm công việc liên quan tới bức xạ. Trang bị liều kê cá nhân cho nhân viên làm việc ở phòng X – quang và nhân viên có giấy chứng nhận an toàn bức xạ.

- Trung tâm y tế huyện Long Hồ cam kết thực hiện đúng các quy định về an toàn bức xạ trong y tế, các thủ tục liên quan đến việc sử dụng thiết bị X-Quang y tế và nhân viên tiến hành công việc bức xạ theo quy định.

2. Phòng chống cháy nổ

Trung tâm thiết kế hệ thống báo cháy và chữa cháy, hệ thống chữa và báo cháy được thiết kế tuân theo các quy định của luật PCCC và các quy định liên quan do Việt Nam quy định. Hệ thống PCCC áp dụng theo Thông tư số: 06/2022/TT-BXD ban hành *QCVN 06:2022/BXD* - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình ngày 30 tháng 11 năm 2022.

Các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy, nổ thực hiện như sau:

- Đầu tư đầy đủ các trang thiết bị PCCC tại cơ sở.
- Bố trí hệ thống chống sét cho công trình theo quy định.
- Thực hiện theo các quy định hiện hành về Phòng cháy chữa cháy như: Thông tư 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.